

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19 /2022/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2022

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; Nghị định số 139/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2023 và thay thế Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung

học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học; Giám đốc các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. ✓

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Hội đồng GDQPAN Trung ương;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục CSVG, Vụ GDQPAN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Phúc



## DANH MỤC

Thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh  
trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và  
trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm  
và cơ sở giáo dục đại học

(Kèm theo Thông tư số 19 /2022/TT-BGDĐT

ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. Trường tiểu học, trung học cơ sở

#### 1. Trường tiểu học

| TT    | Tên thiết bị                               | Đơn vị<br>tính | Số lượng<br>cần cho<br>1 lớp | Ghi chú          |
|-------|--------------------------------------------|----------------|------------------------------|------------------|
| 1.1   | <b>Tài liệu</b>                            |                |                              |                  |
| 1.1.1 | Thiết bị lưu trữ thông tin<br>GDQPAN Lớp 1 | Bộ             | 01                           |                  |
| 1.1.2 | Thiết bị lưu trữ thông tin<br>GDQPAN Lớp 2 | Bộ             | 01                           |                  |
| 1.1.3 | Thiết bị lưu trữ thông tin<br>GDQPAN Lớp 3 | Bộ             | 01                           |                  |
| 1.1.4 | Thiết bị lưu trữ thông tin<br>GDQPAN Lớp 4 | Bộ             | 01                           |                  |
| 1.1.5 | Thiết bị lưu trữ thông tin<br>GDQPAN Lớp 5 | Bộ             | 01                           |                  |
| 1.2   | <b>Tranh in hoặc tranh điện tử</b>         |                |                              |                  |
| 1.2.1 | Bộ tranh GDQPAN Lớp 1                      | Bộ             | 01                           | Một bộ gồm 06 tờ |
| 1.2.2 | Bộ tranh GDQPAN Lớp 2                      | Bộ             | 01                           | Một bộ gồm 06 tờ |
| 1.2.3 | Bộ tranh GDQPAN Lớp 3                      | Bộ             | 01                           | Một bộ gồm 06 tờ |
| 1.2.4 | Bộ tranh GDQPAN Lớp 4                      | Bộ             | 01                           | Một bộ gồm 06 tờ |
| 1.2.5 | Bộ tranh GDQPAN Lớp 5                      | Bộ             | 01                           | Một bộ gồm 06 tờ |

**2. Trường trung học cơ sở**

| TT         | Tên thiết bị                            | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú          |
|------------|-----------------------------------------|-------------|---------------------------|------------------|
| <b>2.1</b> | <b>Tài liệu</b>                         |             |                           |                  |
| 2.1.1      | Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 6 | Bộ          | 02                        |                  |
| 2.1.2      | Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 7 | Bộ          | 02                        |                  |
| 2.1.3      | Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 8 | Bộ          | 02                        |                  |
| 2.1.4      | Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN Lớp 9 | Bộ          | 02                        |                  |
| <b>2.2</b> | <b>Tranh in hoặc tranh điện tử</b>      |             |                           |                  |
| 2.2.1      | Bộ tranh GDQPAN Lớp 6                   | Bộ          | 02                        | Một bộ gồm 06 tờ |
| 2.2.2      | Bộ tranh GDQPAN Lớp 7                   | Bộ          | 02                        | Một bộ gồm 06 tờ |
| 2.2.3      | Bộ tranh GDQPAN Lớp 8                   | Bộ          | 02                        | Một bộ gồm 06 tờ |
| 2.2.4      | Bộ tranh GDQPAN Lớp 9                   | Bộ          | 02                        | Một bộ gồm 06 tờ |

**II. Trường trung học phổ thông**

| TT       | Tên thiết bị                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                                   |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Tài liệu</b>                                                                                                                                         |             |                           |                                                           |
| 1.1      | Sách giáo khoa GDQPAN lớp 10, 11, 12                                                                                                                    | Bộ          |                           | Mỗi giáo viên 01 bộ gồm 03 quyển                          |
| 1.2      | Sách giáo khoa GDQPAN lớp 10, 11, 12                                                                                                                    | Quyển       |                           | Theo nhu cầu của học sinh                                 |
| <b>2</b> | <b>Tranh in hoặc tranh điện tử</b>                                                                                                                      |             |                           |                                                           |
| 2.1      | Bộ tranh dùng cho lớp 10: Đội ngũ từng người không có súng; Đội ngũ tiểu đội; Một số loại bom, mìn, đạn; Kỹ thuật băng bó, cấp cứu; Các động tác cơ bản | Bộ          | 02                        | Một bộ gồm 10 tờ, theo tiêu chuẩn bộ mẫu thiết bị dạy học |

| TT       | Tên thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                                   |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------|
|          | vận động trong chiến đấu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                           |                                                           |
| 2.2      | Bộ tranh dùng cho lớp 11: Súng trường CKC; Súng tiểu liên AK; Súng chống tăng B40, B41; Cầu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn; Thuốc nổ, đồ dùng gây nổ và kỹ thuật sử dụng; Tranh mìn bộ binh; Vật cản, vũ khí tự tạo; Tranh về trang bị của bộ đội phòng hóa; Bản đồ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia; Các loại vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trang bị trong Công an nhân dân. | Bộ          | 02                        | Một bộ gồm 10 tờ, theo tiêu chuẩn bộ mẫu thiết bị dạy học |
| 2.3      | Bộ tranh dùng cho lớp 12: Sơ đồ Tổ chức quân đội và công an; Tổ chức hệ thống nhà trường quân đội, công an; Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; Giới thiệu quân hiệu, cấp hiệu, phù hiệu của Quân đội và Công an.                                                                                                                                                                                  | Bộ          | 02                        | Một bộ gồm 10 tờ, theo tiêu chuẩn bộ mẫu thiết bị dạy học |
| 2.4      | Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ          | 02                        |                                                           |
| 2.5      | Bản đồ địa hình quân sự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ          | 20                        | Một bộ gồm 9 tờ                                           |
| <b>3</b> | <b>Mô hình vũ khí</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |                           |                                                           |
| 3.1      | Mô hình súng tiểu liên AK luyện tập; CKC, AK, B40, B41 cắt bỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Khẩu        |                           | Theo nhu cầu của từng trường                              |
| 3.2      | Súng tiểu liên AK cấp 5 đã hoán cải, vô hiệu hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Khẩu        | 25                        |                                                           |
| 3.3      | Mô hình lựu đạn cắt bỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Quả         | 05                        |                                                           |
| 3.4      | Lựu đạn luyện tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Quả         | 50                        |                                                           |
| 3.5      | Mô hình thuốc nổ bánh loại 200g                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bánh        | 20                        |                                                           |
| 3.6      | Mô hình vũ khí tự tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Hộp         | 02                        |                                                           |
| 3.7      | Mô hình mìn bộ binh cắt bỏ và tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ          | 01                        |                                                           |

| TT       | Tên thiết bị                                              | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                                                                                 |
|----------|-----------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.8      | Mô hình kíp số 8, nụ xùy                                  | Cái         | 40                        | Mỗi loại 20 cái                                                                                         |
| 3.9      | Mô hình dây cháy chậm (05m)                               | Bộ          | 02                        |                                                                                                         |
| 3.10     | Mô hình lượng nổ khối, lượng nổ dài                       | Bộ          | 04                        | Mỗi loại 02 bộ                                                                                          |
| <b>4</b> | <b>Máy bắn tập</b>                                        |             |                           |                                                                                                         |
| 4.1      | Máy bắn tập: MBT-03; TBS-19/AK; HLAKE-20                  | Bộ          | 01                        | Mỗi trường có thể dùng một trong 3 loại máy bắn tập; Trường có quy mô trên 20 lớp có thể trang bị 02 bộ |
| 4.2      | Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập         | Bộ          | 01                        |                                                                                                         |
| 4.3      | Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS - 07                     | Bộ          | 01                        |                                                                                                         |
| <b>5</b> | <b>Thiết bị khác</b>                                      |             |                           |                                                                                                         |
| 5.1      | Túi đựng hộp tiếp đạn súng tiểu liên AK, túi đựng lựu đạn | Chiếc       | 20                        |                                                                                                         |
| 5.2      | Khung và mặt bia số 4                                     | Bộ          | 20                        |                                                                                                         |
| 5.3      | Giá đặt bia đa năng                                       | Chiếc       | 20                        |                                                                                                         |
| 5.4      | Kính kiểm tra ngắm                                        | Chiếc       | 04                        |                                                                                                         |
| 5.5      | Đồng tiền di động                                         | Chiếc       | 02                        |                                                                                                         |
| 5.6      | Mô hình đường đạn trong không khí                         | Chiếc       | 02                        |                                                                                                         |
| 5.7      | Hộp đựng cụ huấn luyện                                    | Bộ          | 04                        |                                                                                                         |
| 5.8      | Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả                   | Bộ          | 01                        |                                                                                                         |
| 5.9      | Dụng cụ băng bó cứu thương                                | Bộ          | 15                        |                                                                                                         |
| 5.10     | Cáng cứu thương                                           | Chiếc       | 05                        |                                                                                                         |
| 5.11     | Giá súng và bàn thao tác                                  | Bộ          |                           | Theo nhu cầu sử dụng của từng trường                                                                    |
| 5.12     | Tủ đựng súng và đựng thiết bị                             | Bộ          |                           |                                                                                                         |
| 5.13     | Khung và mặt bia số 6,7,10                                | Chiếc       | 30                        | Mỗi loại 10 chiếc                                                                                       |
| 5.14     | Bia ngắm trúng, ngắm chum                                 | Chiếc       | 10                        |                                                                                                         |
| 5.15     | Mô quay                                                   | Chiếc       | 10                        |                                                                                                         |
| 5.16     | Khí tài phòng hô hấp (Mặt nạ                              | Chiếc       | 20                        |                                                                                                         |

| TT         | Tên thiết bị                         | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                              |
|------------|--------------------------------------|-------------|---------------------------|------------------------------------------------------|
|            | phòng độc MV-5)                      |             |                           |                                                      |
| 5.17       | Khí tài phòng đa L-1                 | Bộ          | 05                        |                                                      |
| 5.18       | Bao tiêu độc cá nhân TCV-10          | Bộ          | 05                        |                                                      |
| 5.19       | Phòng học bộ môn GDQPAN              | Phòng       | 01                        |                                                      |
| 5.20       | Kho để trang thiết bị môn học GDQPAN | Phòng       | 01                        |                                                      |
| <b>6</b>   | <b>Trang phục</b>                    |             |                           |                                                      |
| <b>6.1</b> | <b>Trang phục giáo viên GDQPAN</b>   |             | Số lượng cho 1 giáo viên  |                                                      |
| 6.1.1      | Trang phục mùa đông                  | Bộ          | 01                        | Dùng cho các trường phía Bắc (Từ đèo Hải Vân trở ra) |
| 6.1.2      | Trang phục mùa hè                    | Bộ          | 01                        |                                                      |
| 6.1.3      | Trang phục dã chiến                  | Bộ          | 01                        |                                                      |
| 6.1.4      | Mũ kepi                              | Chiếc       | 01                        |                                                      |
| 6.1.5      | Mũ cứng cuốn vành                    | Chiếc       | 01                        |                                                      |
| 6.1.6      | Mũ mềm dã chiến                      | Chiếc       | 01                        |                                                      |
| 6.1.7      | Dây lưng                             | Chiếc       | 01                        |                                                      |
| 6.1.8      | Giày da                              | Đôi         | 01                        |                                                      |
| 6.1.9      | Giày vải cao cổ                      | Đôi         | 01                        |                                                      |
| 6.1.10     | Bít tất                              | Đôi         | 02                        |                                                      |
| 6.1.11     | Sao mũ kepi GDQPAN                   | Chiếc       | 01                        |                                                      |
| 6.1.12     | Sao mũ cứng GDQPAN                   | Chiếc       | 01                        |                                                      |
| 6.1.13     | Sao mũ mềm GDQPAN                    | Chiếc       | 01                        |                                                      |
| 6.1.14     | Nền cấp hiệu GDQPAN                  | Đôi         | 01                        |                                                      |
| 6.1.15     | Nền phù hiệu GDQPAN                  | Đôi         | 01                        |                                                      |
| 6.1.16     | Biển tên                             | Chiếc       | 01                        |                                                      |
| 6.1.17     | Ca ra vát                            | Chiếc       | 01                        |                                                      |

| TT         | Tên thiết bị                      | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                                     |
|------------|-----------------------------------|-------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------|
| <b>6.2</b> | <b>Trang phục học sinh GDQPAN</b> |             |                           | <i>Theo nhu cầu sử dụng của từng trường</i>                 |
| 6.2.1      | Trang phục (Dùng chung hai mùa)   | Bộ          |                           | <i>Nền cấp hiệu, phù hiệu, biển tên GDQPAN may liền áo</i>  |
| 6.2.2      | Áo bông                           | Chiếc       |                           | <i>Dùng cho các trường phía Bắc (Từ đèo Hải Vân trở ra)</i> |
| 6.2.3      | Mũ cứng cuốn vành                 | Chiếc       |                           |                                                             |
| 6.2.4      | Mũ mềm                            | Chiếc       |                           |                                                             |
| 6.2.5      | Giày vải cao cổ                   | Đôi         |                           |                                                             |
| 6.2.6      | Bít tất                           | Đôi         |                           |                                                             |
| 6.2.7      | Dây lưng                          | Chiếc       |                           |                                                             |
| 6.2.8      | Sao mũ cứng GDQPAN                | Chiếc       |                           |                                                             |
| 6.2.9      | Sao mũ mềm GDQPAN                 | Chiếc       |                           |                                                             |

### III. Trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học

Áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học được giao tự chủ giảng dạy và trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

| TT       | Tên thiết bị                                                    | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                                                            |
|----------|-----------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Tài liệu</b>                                                 |             |                           |                                                                                    |
| 1.1      | Giáo trình GDQPAN (Tập 1)                                       | Quyển       |                           | <i>Mỗi Giảng viên 1 bộ gồm 2 quyển;<br/>Sinh viên theo nhu cầu của từng trường</i> |
| 1.2      | Giáo trình GDQPAN (Tập 2)                                       | Quyển       |                           |                                                                                    |
| <b>2</b> | <b>Tranh in hoặc tranh điện tử</b>                              |             |                           |                                                                                    |
| 2.1      | Bộ tranh vũ khí bộ binh (súng tiểu liên AK, CKC, RPD, B40, B41) | Bộ          | 01                        | <i>Một bộ gồm 06 tờ</i>                                                            |
| 2.2      | Bộ tranh mìn bộ binh                                            | Bộ          | 01                        | <i>Một bộ gồm 09 tờ</i>                                                            |

| TT       | Tên thiết bị                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                      |
|----------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|------------------------------|
| 2.3      | Các tư thế, động tác bắn súng tiểu liên AK                                   | Bộ          | 01                        | Một bộ gồm 02 tờ             |
| 2.4      | Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn                                          | Tờ          | 01                        | Một bộ gồm 02 tờ             |
| 2.5      | Vũ khí hủy diệt lớn và cách phòng tránh                                      | Bộ          | 01                        | Một bộ gồm 03 tờ             |
| 2.6      | Sơ đồ Tổ chức quân đội và Tổ chức Công an                                    | Bộ          | 01                        | Một bộ gồm 06 tờ             |
| 2.7      | Thiết bị lưu trữ thông tin GDQPAN                                            | Bộ          | 02                        |                              |
| <b>3</b> | <b>Bản đồ quân sự</b>                                                        |             |                           |                              |
| 3.1      | Bản đồ địa hình quân sự                                                      | Bộ          | 20                        | Một bộ gồm 9 tờ              |
| 3.2      | Ổng nhôm                                                                     | Chiếc       | 20                        |                              |
| 3.3      | Địa bàn                                                                      | Chiếc       | 20                        |                              |
| 3.4      | Thuốc chỉ huy                                                                | Chiếc       | 20                        |                              |
| 3.5      | Thuốc 3 cạnh                                                                 | Chiếc       | 20                        |                              |
| 3.6      | Bàn đặc gỗ 40 x 60 cm                                                        | Chiếc       | 20                        |                              |
| 3.7      | Giá 3 chân cao 70 cm                                                         | Bộ          | 20                        |                              |
| <b>4</b> | <b>Mô hình vũ khí</b>                                                        |             |                           |                              |
| 4.1      | Mô hình súng tiểu liên AK luyện tập; súng tiểu liên AK, CKC, B40, B41 cất bỏ | Khẩu        |                           | Theo nhu cầu của từng trường |
| 4.2      | Súng tiểu liên AK cấp 5 hoán cải, vô hiệu hóa                                | Khẩu        | 25                        |                              |
| 4.3      | Mô hình lựu đạn cất bỏ                                                       | Quả         | 05                        |                              |
| 4.4      | Lựu đạn luyện tập                                                            | Quả         | 50                        |                              |
| 4.5      | Mô hình thuốc nổ bánh loại 200g                                              | Bánh        | 20                        |                              |
| 4.6      | Mô hình kíp số 8, nụ xùy                                                     | Cái         | 40                        | Mỗi loại 20 cái              |
| 4.7      | Mô hình dây cháy chậm (05m)                                                  | Bộ          | 05                        |                              |
| 4.8      | Mô hình lượng nổ khối, lượng nổ dài                                          | Bộ          | 10                        | Mỗi loại 05 bộ               |
| 4.9      | Mô hình vũ khí tự tạo                                                        | Hộp         | 02                        |                              |
| 4.10     | Mô hình mìn bộ binh cất bỏ và tập                                            | Bộ          | 01                        |                              |

| TT       | Tên thiết bị                                              | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                   |
|----------|-----------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|-------------------------------------------|
| 4.11     | Lựu đạn tập nổ nhiều lần LD-15                            | Bộ          | 02                        |                                           |
| 4.12     | Mô hình hàng rào chống bộ binh                            | Bộ          | 01                        |                                           |
| <b>5</b> | <b>Máy bắn tập</b>                                        |             |                           |                                           |
| 5.1      | Máy bắn tập: MBT- 03;<br>TBS-19/AK; HLAk-20               | Bộ          | 02                        | Mỗi trường có thể dùng 1 trong 3 loại máy |
| 5.2      | Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập         | Bộ          | 02                        |                                           |
| 5.3      | Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07                       | Bộ          | 02                        |                                           |
| <b>6</b> | <b>Thiết bị khác</b>                                      |             |                           |                                           |
| 6.1      | Túi đựng hộp tiếp đạn súng tiểu liên AK, túi đựng lựu đạn | Bộ          | 20                        |                                           |
| 6.2      | Khung và mặt bia số 4                                     | Bộ          | 20                        |                                           |
| 6.3      | Giá đặt bia đa năng                                       | Chiếc       | 20                        |                                           |
| 6.4      | Kính kiểm tra ngắm                                        | Chiếc       | 04                        |                                           |
| 6.5      | Đồng tiền di động                                         | Chiếc       | 02                        |                                           |
| 6.6      | Mô hình đường đạn trong không khí                         | Chiếc       | 02                        |                                           |
| 6.7      | Hộp đựng cụ huấn luyện                                    | Bộ          | 04                        |                                           |
| 6.8      | Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả                   | Bộ          | 01                        |                                           |
| 6.9      | Dụng cụ băng bó cứu thương                                | Bộ          | 15                        |                                           |
| 6.10     | Cáng cứu thương                                           | Chiếc       | 05                        |                                           |
| 6.11     | Giá súng và bàn thao tác                                  | Bộ          |                           | Theo nhu cầu sử dụng của từng trường      |
| 6.12     | Tủ đựng súng và đựng thiết bị                             | Chiếc       |                           |                                           |
| 6.13     | Khung và mặt bia số 6, 7, 10                              | Chiếc       | 30                        | Mỗi loại 10 chiếc                         |
| 6.14     | Bia ngắm trúng, ngắm chụm                                 | Chiếc       | 10                        |                                           |
| 6.15     | Mô quay                                                   | Chiếc       | 10                        |                                           |
| 6.16     | Khí tài phòng hô hấp (Mặt nạ phòng độc MV-5)              | Chiếc       | 50                        |                                           |
| 6.17     | Khí tài phòng da L-1                                      | Bộ          | 05                        |                                           |
| 6.18     | Bao tiêu độc cá nhân TCN- 10                              | Bộ          | 05                        |                                           |

| TT     | Tên thiết bị                                                 | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                                   |
|--------|--------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 7      | <b>Phòng học chuyên dụng</b>                                 |             |                           |                                                           |
| 7.1    | Máy tính, máy chiếu, màn chiếu dùng cho giảng viên giảng dạy | Bộ          | 01                        |                                                           |
| 7.2    | Tranh huấn luyện treo tường                                  | Chiếc       | 10                        |                                                           |
| 7.3    | Phần mềm hỗ trợ giảng dạy, học tập (Simbook)                 | Bộ          | 01                        | <i>Theo nhu cầu sử dụng của từng trường</i>               |
| 7.4    | Mô hình cắt bỏ vũ khí bộ binh, mô hình vũ khí tự tạo         | Bộ          | 01                        |                                                           |
| 8      | <b>Trang phục</b>                                            |             |                           |                                                           |
| 8.1    | <b>Trang phục giảng viên và cán bộ quản lý GDQPAN</b>        |             | Số lượng cần cho 1 người  |                                                           |
| 8.1.1  | Trang phục mùa đông                                          | Bộ          | 01                        | <i>Dùng cho các tỉnh phía Bắc (Từ đèo Hải Vân trở ra)</i> |
| 8.1.2  | Trang phục mùa hè                                            | Bộ          | 01                        |                                                           |
| 8.1.3  | Trang phục dã chiến                                          | Bộ          | 01                        |                                                           |
| 8.1.4  | Mũ kepi                                                      | Chiếc       | 01                        |                                                           |
| 8.1.5  | Mũ cứng cuốn vành                                            | Chiếc       | 01                        |                                                           |
| 8.1.6  | Mũ mềm                                                       | Chiếc       | 01                        |                                                           |
| 8.1.7  | Dây lưng                                                     | Chiếc       | 01                        |                                                           |
| 8.1.8  | Giày da                                                      | Đôi         | 01                        |                                                           |
| 8.1.9  | Giày vải cao cổ                                              | Đôi         | 01                        |                                                           |
| 8.1.10 | Bít tất                                                      | Đôi         | 02                        |                                                           |
| 8.1.11 | Sao mũ kepi GDQPAN                                           | Chiếc       | 01                        |                                                           |
| 8.1.12 | Sao mũ cứng GDQPAN                                           | Chiếc       | 01                        |                                                           |
| 8.1.13 | Sao mũ mềm GDQPAN                                            | Chiếc       | 01                        |                                                           |
| 8.1.14 | Nền cấp hiệu GDQPAN                                          | Đôi         | 01                        |                                                           |
| 8.1.15 | Nền phù hiệu GDQPAN                                          | Đôi         | 01                        |                                                           |
| 8.1.16 | Biển tên                                                     | Chiếc       | 01                        |                                                           |
| 8.1.17 | Ca ra vát                                                    | Chiếc       | 01                        |                                                           |

| TT     | Tên thiết bị                        | Đơn vị tính | Số lượng cần cho 1 trường | Ghi chú                                                                                 |
|--------|-------------------------------------|-------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.2    | Trang phục cho sinh viên học GDQPAN |             | Số lượng cần cho 1 người  | Các trường căn cứ vào quy mô sinh viên mua sắm đủ cho sinh viên mượn khi học môn GDQPAN |
| 8.2.1  | Trang phục (Dùng chung hai mùa)     | Bộ          | 02                        |                                                                                         |
| 8.2.2  | Áo bông                             | Chiếc       | 01                        | Dùng cho các tỉnh phía Bắc ( Từ đèo Hải Vân trở ra)                                     |
| 8.2.3  | Mũ cứng cuốn vành                   | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.4  | Mũ mềm                              | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.5  | Giày vải cao cổ                     | Đôi         | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.6  | Bít tất                             | Đôi         | 02                        |                                                                                         |
| 8.2.7  | Dây lưng                            | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.8  | Ba lô 3 túi                         | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.9  | Vỏ chăn in loang                    | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.10 | Ruột chăn sơ pốp                    | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.11 | Màn tuyn cá nhân                    | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.12 | Chiếu cối cá nhân                   | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.13 | Gối mút hơi K12                     | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.14 | Sao mũ cứng GDQPAN                  | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |
| 8.2.15 | Sao mũ mềm GDQPAN                   | Chiếc       | 01                        |                                                                                         |